TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-05-2023
V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-HNGS ngµy 22/2/2023 về việc Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1993; (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; (xin xét xử vắng mặt)

ĐKHK: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Số nhà x đường P, khu phố n, thị trấn T, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh P khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị T đã chuyển về nhà đẻ để sinh sống đến nay. Vợ chồng đã

sống ly thân 5-6 năm nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai người nấy làm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T.

Về con chung: Anh xác định anh chị có 02 con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 20/5/2013 và Trần Minh P, sinh ngày 09/12/2015. Hiện nay cả hai con đều đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Đ, còn chị T nuôi cháu P. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh xác định anh và chị T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và đơn đề nghị gửi đến Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như anh G đã khai. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh P khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, xung đột. Vợ chồng đã ly thân 6-7 năm nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh G làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện chị đang cư trú tại thị trấn T, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận nên đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng cho chị qua đường công văn chuyển phát, chị T vẫn giữ nguyên lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà là nơi giải quyết vụ án, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Chị xác định con chung như anh G đã trình bày. Hiện nay cả hai con đều đang ở cùng gia đình anh G. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu P, đề nghị giao cháu Đ cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại địa phương: Anh G, chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân được vài năm, mỗi người ở một nơi, có cuộc sống riêng. Nay anh G xin ly hôn quan điểm của địa phương là Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn G, đề nghị cho anh Trần Văn G ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao cháu Trần Minh P, sinh ngày 09/12/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 20/5/2013 cho anh G chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Về án phí: Anh Trần Văn G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh G, chị T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh G, chị T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh G và ý kiến của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh P khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xung đột. Thực tế, vợ chồng anh chị đã sống ly thân; trong thời gian ly thân mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh G, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, xử cho anh G, chị T ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh G, chị T có 02 con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 20/5/2013 và Trần Minh P, sinh ngày 09/12/2015. Anh G, chị T đều có quan điểm, giao cháu Đ cho anh G, giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng, phù hợp với

nguyện vọng của cháu Đ xin ở với bố, cháu P xin ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho mỗi người nuôi một con, giao cháu Trần Minh P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trần Minh Đ giao cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh G, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Trần Văn G ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Minh Đ, sinh ngày 20/5/2013 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Minh P, sinh ngày 09/12/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ tháng 05/2023 đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Anh Trần Văn G, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Trần Văn G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003427 ngày 21/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh G đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tm. Héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng